

Số : /QĐ-UBND

An Giang, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố tuyến vận tải đường thủy nội địa từ bờ ra đảo
do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

*Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày
17 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 110/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của
Chính phủ Quy định điều kiện kinh doanh vận tải đường thủy nội địa; Nghị định
số 128/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung
một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong
lĩnh vực đường thủy nội địa;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của
Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2024 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày
28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy
nội địa;*

*Căn cứ Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2013 của Bộ
trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) quy định về quản lý tuyến
vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam;*

*Căn cứ Thông tư số 24/2022/TT-BGTVT ngày 13 tháng 10 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung các Thông tư của Bộ
trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra
đảo trong vùng biển Việt Nam;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2024/TT-BGTVT ngày 10 tháng 04 năm 2024 của
Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định
về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam;*

*Căn cứ Thông tư số 66/2014/TT-BGTVT ngày 12 tháng 11 năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) quy định về vận tải hành*

khách, hành lý, bao gửi bằng tàu khách cao tốc giữa cảng, bến, vùng nước thuộc nội thủy Việt Nam và qua biên giới;

Căn cứ Thông tư số 34/2019/TT-BGTVT ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về vận tải đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 15/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) quy định về quản lý đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BXD ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp cho chính quyền địa phương;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh An Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 938/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang) về việc công bố danh mục các tuyến đường thủy nội địa trên sông, kênh thuộc tỉnh quản lý trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang phê duyệt Đề án Quản lý hoạt động vận tải thủy phục vụ du lịch trên địa bàn đặc khu Phú Quốc đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án Quản lý hoạt động vận tải thủy phục vụ du lịch trên địa bàn đặc khu Phú Quốc đến năm 2040;

Căn cứ Quyết định số 1043/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo thuộc vùng biển An Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4310/TTr-SXD ngày 08 tháng 5 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố tuyến vận tải đường thủy nội địa từ bờ ra đảo do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh An Giang (đính kèm phụ lục).

Điều 2. Giao Sở Xây dựng có trách nhiệm lập hồ sơ, tổ chức quản lý, bảo trì tuyến luồng đường thủy nội địa do địa phương quản lý theo quy định của pháp luật trong suốt quá trình khai thác để đảm bảo an toàn giao thông đường

thủy nội địa; triển khai và hướng dẫn các đơn vị kinh doanh vận tải, các đơn vị bến và các đơn vị liên quan thực hiện theo quy định

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3125/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc công bố tuyến luồng đường thủy nội địa do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Kiên Giang./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT, cvquoc.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Công Thức

PHỤ LỤC
TUYẾN VẬN TẢI ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA TỪ BỜ RA ĐẢO ĐẢO
DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh An Giang)

STT	Tên tuyến	Phạm vi		Chiều dài (1 hải lý = 1,852km)	
		Điểm đầu	Điểm cuối	Hải lý	Km (lấy tròn)
1	Ba Hòn - Hòn Heo	Bến tàu Ba Hòn	Bến tàu Hòn Heo	10	18,5
2	Ba Hòn - Hòn Nghệ	Bến tàu Ba Hòn	Bến tàu Hòn Nghệ	13	24
3	Rạch Giá - Hòn Tre	Cảng thủy nội địa Rạch Giá	Bến tàu Hòn Tre	13	24
4	Rạch Giá - Hòn Sơn Rái	Cảng thủy nội địa Rạch Giá	Bến tàu Lại Sơn	28	52
5	Rạch Giá - Hòn Nghệ	Cảng thủy nội địa Rạch Giá	Bến tàu Hòn Nghệ	30,5	56,5
6	Tắc Cậu - Hòn Tre	Cảng thủy nội địa Tắc Cậu	Bến tàu Hòn Tre	14,5	27
7	Tắc Cậu - Hòn Nghệ	Cảng thủy nội địa Tắc Cậu	Bến tàu Hòn Nghệ	32	59,5

8	Hà Tiên - Hòn Heo	Bến tàu Hà Tiên	Bến tàu Hòn Heo	17	31,5
9	Hà Tiên - Tiên Hải	Bến tàu Hà Tiên	Bến tàu Tiên Hải	10	18,5
10	An Thới - Hòn Thơm	Cảng An Thới	Bến tàu Hòn Thơm	5	9,3
11	Bình An - Ba Hòn Đầm	Bến tàu Tiến Triển	Bến tàu Ba Hòn Đầm	9,7	18
12	Hòn Heo - Hòn Nghệ	Bến tàu Hòn Heo	Bến tàu Hòn Nghệ	8,9	16,5
13	Hòn Tre - Hòn Sơn Rái	Bến tàu Hòn Tre	Bến tàu Lại Sơn	17,8	33
14	An Sơn - Nam Du	Bến tàu An Sơn	Bến tàu Nam Du	3,2	6
15	Xẻo Nhàu - Hòn Sơn Rái	Bến tàu Xẻo Nhàu	Bến tàu Lại Sơn	13,5	25
16	Tiên Hải – Hòn Nghệ	Bến tàu Tiên Hải	Bến tàu Hòn Nghệ	21,2	39,2
17	Hòn Nghệ - Hòn Sơn Rái	Bến tàu Hòn Nghệ	Bến tàu Lại Sơn	14,3	26,5
18	Hòn Nghệ - Hòn Chông	Bến tàu Hòn Nghệ	Bến tàu khách Tiến Triển	8,4	15,6

19	Hoạt động chở khách du lịch ven bờ biển và quanh các đảo	Các cảng, bến, vùng nước được cấp giấy phép hoạt động	Các cảng, bến, vùng nước được cấp giấy phép hoạt động	Cách bờ không quá 12 hải lý	
20	Tuyến vận tải ven đảo đến các điểm du lịch trên địa bàn đặc khu Phú Quốc (theo Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 11/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)				
20.1	An Thới – Cụm đảo Nam An Thới	Cảng An Thới	Bến cụm đảo Nam An Thới	16,2	30
20.2	An Thới – Mũi Đất Đỏ	Cảng An Thới	Cảng Mũi Đất Đỏ	2,7	5
20.3	An Thới – Vũng Bầu	Cảng An Thới	Bến Vũng Bầu	21,6	40
20.4	Mũi Đất Đỏ - Bãi Trường	Cảng Mũi Đất Đỏ	Bến Bãi Trường	3,8	7
20.5	Bãi Trường – Dương Đông	Bến Bãi Trường	Bến Dương Đông	8,1	15
20.6	Dương Đông – Ông Lang	Bến Dương Đông	Bến Ông Lang	3,2	6
20.7	Ông Lang – Vũng Bầu	Bến Ông Lang	Bến Vũng Bầu	2,7	5
20.8	Vũng Bầu – Gành Dầu	Bến Vũng Bầu	Bến Gành Dầu	8,1	15
20.9	Gành Dầu – Rạch Vẹm	Bến Gành Dầu	Bến Rạch Vẹm	6,5	12

20.10	Rạch Vẹm – Rạch Tràm	Bến Rạch Vẹm	Bến Rạch Tràm	3,8	7
20.11	Rạch Tràm - Bãi Thơm	Bến Rạch Tràm	Bến Bãi Thơm	5,9	11
20.12	Bãi Thơm - Thạnh Thới	Bến Bãi Thơm	Bến Thạnh Thới	6,5	12
20.13	Hàm Ninh - Bãi Vòng	Bến Hàm Ninh	Cảng Bãi Vòng	3,2	6
20.14	Bãi Vòng - Vịnh Đầm	Cảng Bãi Vòng	Bến Vịnh Đầm	3,8	7
20.15	Vịnh Đầm - Bãi Sao	Bến Vịnh Đầm	Bến Bãi Sao	2,2	4
20.16	Bãi Sao - Bãi Khem	Bến Bãi Sao	Bến Bãi Khem	1,1	2
20.17	Bãi Khem - Mũi Ông Đội	Bến Bãi Khem	Bến Ông Đội	1,1	2
20.18	Mũi Ông Đội - An Thới	Bến Ông Đội	Cảng An Thới	5,4	10
20.19	Quanh cụm đảo Hòn Thơm	Vùng nước được cấp giấy phép hoạt động	Vùng nước được cấp giấy phép hoạt động		
20.20	Tuyến vận tải trên sông Dương Đông, hồ Dương Đông	Vùng nước được cấp giấy phép hoạt động	Vùng nước được cấp giấy phép hoạt động	2,7	5
20.21	Tuyến vận tải trên sông Cửa Cạn, hồ Cửa Cạn	Vùng nước được cấp giấy phép hoạt động	Vùng nước được cấp giấy phép hoạt động	1,6	3

